

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 135 /NQ-CP

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**

**Phê duyệt phạm vi khu vực cửa khẩu quốc tế Hoa Lư và  
phạm vi khu vực cửa khẩu chính Hoàng Diệu tỉnh Bình Phước**

**CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền;*

*Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước tại Tờ trình số 78/TTr-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2020, Tờ trình số 79/TTr-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2020 và Báo cáo số 300/BC-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2020.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt phạm vi khu vực cửa khẩu quốc tế Hoa Lư và phạm vi khu vực cửa khẩu chính Hoàng Diệu tỉnh Bình Phước với nội dung như sau:

**1. Phạm vi khu vực cửa khẩu quốc tế Hoa Lư:**

Phạm vi khu vực cửa khẩu quốc tế Hoa Lư thuộc địa giới hành chính xã Lộc Thạnh và xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, được thể hiện trên bản đồ tỷ lệ 1/25.000, hệ tọa độ VN-2000, số hiệu mảnh bản đồ (6332-IV-TB), tên mảnh bản đồ Hoa Lư, do Cục Bản đồ Bộ Tổng Tham mưu, Bộ Quốc phòng Việt Nam xuất bản năm 2017; có diện tích 562,1 ha, chính diện dài 3646 m, tiếp giáp đường biên giới quốc gia; được giới hạn bởi các điểm: A tọa độ (23658 - 66471), D tọa độ (23816 - 70109), C tọa độ (22854 - 70456), E tọa độ (21872 - 69056), B tọa độ (21318 - 68238), (sơ đồ kèm theo).

**2. Phạm vi khu vực cửa khẩu chính Hoàng Diệu:**

Phạm vi khu vực cửa khẩu chính Hoàng Diệu thuộc địa giới hành chính xã Hưng Phước và xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước, được thể hiện trên bản đồ tỷ lệ 1/25.000, hệ tọa độ VN-2000, số hiệu mảnh bản đồ (6333-II-TN), tên mảnh bản đồ Phước Tiến, do Cục Bản đồ, Bộ Tổng Tham mưu, Bộ Quốc phòng Việt Nam xuất bản năm 2017; có diện tích 263,8 ha,

chính diện dài 2.550 m, tiếp giáp đường biên giới quốc gia; được giới hạn bởi các điểm: A tọa độ (35157- 01059), G tọa độ ( 34837-01604), D tọa độ (34917 - 02135), C tọa độ (32092 - 00863), E tọa độ (32454 - 00559), B tọa độ (32886 - 00222), (sơ đồ kèm theo).

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước và các bộ, ngành liên quan tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này./

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg,  
TGD Công TTĐT, các Vụ: TH, QHQT, KTTH;
- Lưu: VT, NC (02b) Chính. 9

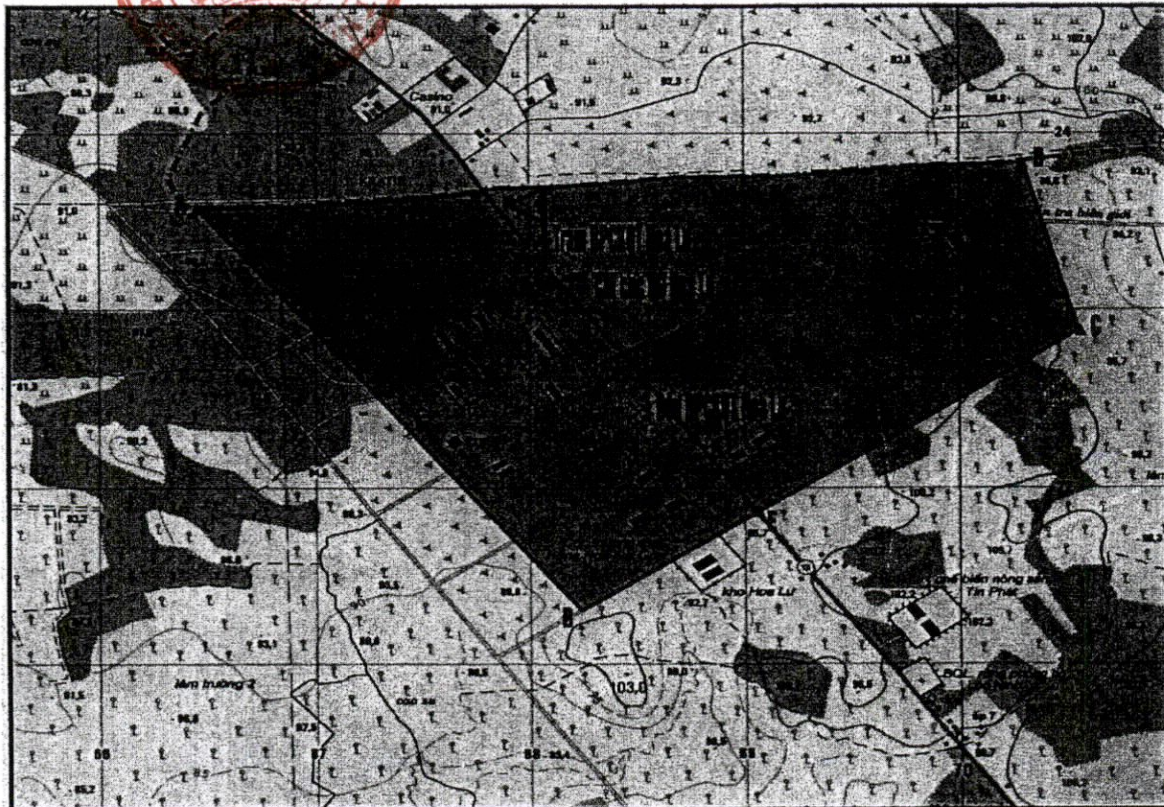


**Nguyễn Xuân Phúc**



## SƠ ĐỒ PHẠM VI KHU VỰC CỬA KHẨU QUỐC TẾ HOA LƯ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ)



Tỉ lệ bản đồ: 1/25.000

TÊN ĐIỂM	TỌA ĐỘ VN – 2000 (KT 105 <sup>0</sup> , múi 6 <sup>0</sup> )	
	X	Y
A*	23658	66471
B	21318	68238
C	22854	70456
D*	23816	70109
E	21872	69056
Cột mốc 69	23648	67802

\* Điểm A trùng với vị trí cột mốc 71, điểm D trùng với vị trí cột mốc 68/1.

- Diện tích khu vực cửa khẩu: 5,621 km<sup>2</sup> (562,1 ha).
- Khoảng cách A và D theo đường biên giới: 3.646m.
- Khoảng cách A và D theo đường thẳng: 3.641m.
- Khoảng cách A và B theo đường thẳng: 2.940m.
- Khoảng cách B và E theo đường thẳng: 990m.
- Khoảng cách E và C theo đường thẳng: 1.710m.
- Khoảng cách C và D theo đường thẳng: 1.030m.
- Khoảng cách E đến cột mốc 69 theo đường thẳng: 2.190m.
- Khoảng cách E đến cột mốc 69 theo đường nhựa: 2.190m



### SƠ ĐỒ

## PHẠM VI KHU VỰC CỬA KHẨU CHÍNH HOÀNG DIỆU

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ)



Tỉ lệ bản đồ: 1/25.000

TÊN ĐIỂM	TỌA ĐỘ VN – 2000 (KT 105 <sup>0</sup> , múi 6 <sup>0</sup> )	
	X	Y
A*	35157	01059
B	32886	00222
C	32092	00863
D*	34917	02135
E	32454	00559
G	34837	01604

- \* Điểm A trùng với mốc giới 65/1
- Diện tích khu vực cửa khẩu: 2,638 km<sup>2</sup> (263,8 ha).
  - Khoảng cách A và D theo đường biên giới: 2.550m.
  - Khoảng cách A và D theo đường thẳng: 1.100m.
  - Khoảng cách A và G theo đường thẳng: 1.385m.
  - Khoảng cách D và G theo đường thẳng: 1.175m.
  - Khoảng cách A và B theo đường thẳng: 2.430m.
  - Khoảng cách B và E theo đường thẳng: 550m.
  - Khoảng cách E và C theo đường thẳng: 470m.
  - Khoảng cách C và D theo đường thẳng: 3.110m.
  - Khoảng cách E và G theo đường thẳng: 2.385m.
  - Khoảng cách E và G theo đường nhựa: 2.575m